Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

# C*hương II: SỐ NGUYÊN*

# BÀI 3. PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ SỐ NGUYÊN

**(6 tiết)**

**I.** **MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** HS học được kiến thức về:

*-* Các quy tắc cộng, trừ số nguyên.

- Tính chất của phép cộng số nguyên.

- Số đối của một số nguyên.

**2. Năng lực:**

**- Năng lực riêng:**

**+** Vận dụng được các quy tắc cộng, trừ số nguyên trong tính toán.

+ Vận dụng được các tính chất của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí.

+ Giải được một số bài toán liên quan đến cộng và trừ số nguyên có nội dung thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Giáo viên:** Chuẩn bị vẽ sẵn (trên giấy hoặc tệp trình chiếu) hình minh họa một số phép toán sẽ sử dụng trong bài.

**2. Học sinh:** Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập cá nhân, đọc lại vấn đề biểu diễn số nguyên trên trục số và minh họa phép cộng số tự nhiên bằng tia số.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU):**

**a) Mục tiêu:**

+ Giúp HS nhận thức nhu cầu sử dụng các phép tính cộng, trừ số nguyên. HS hiểu bài toán mở đầu dẫn đến phép cộng hai số âm (–3) + (–5).

+ Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.

**b) Nội dung:** HS chú ý lắng nghe và trả lời.

**c) Sản phẩm:** Từ bài toán,HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

|  |  |
| --- | --- |
| GV đặt vấn đề qua bài toán mở đầu “Nhiệt độ ban ngày ở đỉnh Mẫu Sơn (Lạng Sơn) vào một ngày mùa đông là –3oC. Nếu ban đêm giảm thêm 5oC nữa thì nhiệt độ ở đó sẽ là bao nhiêu?” | Băng giá tuyệt đẹp trên đỉnh Mẫu Sơn trong đợt rét khốc liệt ở miền Bắc |

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Bài toán mở đầu dẫn đến phép cộng hai số âm (–3) + (–5). Để biết cách tính kết quả chính xác của bài toán trên, cũng như hiểu rõ hơn về các tính chất của phép cộng, phép trừ, chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay?” => Bài mới.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI:**

**Hoạt động 1: Cộng hai số nguyên cùng dấu.**

**a) Mục tiêu:**

+ Tìm hiểu về cách cộng hai số nguyên âm bằng cách biểu diễn trên trục số.

+ Hình thành kĩ năng cộng hai số nguyên âm.

+ Củng cố ý nghĩa số nguyên âm và kĩ năng cộng hai số nguyên âm trong bài toán thực tế.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**+ GV nhắc lại về minh họa phép cộng hai số tự nhiên trên tia số và giới thiệu số âm gồm hai phần: phần dấu và phần số tự nhiên.+ GV cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động: HĐ1a; HĐ1b.+ GV chữa, minh họa và phân tích trên bảng cho HS dễ hình dung.+ GV dẫn dắt, đi đến quy tắc cộng hai số nguyên trong hộp kiến thức.+ GV cho một số HS đọc lại quy tắc.+ GV lưu ý cho HS: Tổng hai số nguyên cùng dấu luôn cùng dấu với hai số nguyên đó.\* Chú ý:Cho a, b là hai số nguyên dương, ta có:

|  |  |
| --- | --- |
| (+a) + (+b) = a + b(–a) + (–b) = –(a + b) |  |

+ GV hướng dẫn, phân tích *Ví dụ 1* để HS hiểu rõ quy tắc.+ GV cho 5 HS lên bảng trình bày *Thực hành 1.* Dưới lớp trình bày vào vở. + GV nêu ví dụ và cho HS áp dụng để tính toán.+ HS thảo luận cặp đôi suy nghĩ và hoàn thành. *Vận dụng 1:*+ HS vận dụng kiến thức hoàn thành bài tập (GV gọi 2 HS lên bảng thực hiện bài giải, dưới lớp trình bày vào vở).**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.+ GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở ghi.+ HS nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: ***Quy tắc cộng hai số nguyên âm***. | **1. Cộng hai số nguyên cùng dấu:**+ HĐ1a: (+2) + (+3) = (+5)+ HĐ1b: (–2) + (–3) = (–5)**\* Quy tắc cộng hai số nguyên:****-** Muốn cộng hai số nguyên dương, ta cộng chúng như cộng hai số tự nhiên.- Muốn cộng hai số nguyên âm, ta cộng hai số đối của chúng, rồi thêm dấu trừ đằng trước kết quả.- Tổng hai số nguyên cùng dấu luôn cùng dấu với hai số nguyên đó.\* Chú ý:Cho a,b là hai số nguyên dương, ta có:(+a) + (+b) = a +b(–a) + (–b) = –(a + b)*Thực hành 1:*a) 4 + 7 = 11b) (–4) + (–7) = –(4 + 7) = –11c) (–99)+(–11) = –(99 + 11) = –110d) (+99) + (+11) = + (99+11) = 110e) (–65)+(–35) = –(65 + 35) = –100*Vận dụng 1:*Số tiền bác Hà còn nợ bác Lan là:(–80 000)+ (–40 000) = (–120 000) đồng. |

**Hoạt động 2: Cộng hai số nguyên khác dấu.**

**a) Mục tiêu:**

+ Nhận biết số đối của một số nguyên cho trước.

+ Luyện kĩ năng tìm số đối và khắc sâu ý nghĩa hình học của số đối.

+ Tìm hiểu về cách cộng hai số nguyên khác dấu bằng cách biểu diễn trên trục số.

+ Hiểu quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu và vận dụng vào bài toán thực tế.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**+ GV phân tích kiến thức HĐ2a, HĐ2b về hai số đối nhau.=> Quy tắc: Tổng hai số nguyên đối nhau luôn luôn bằng 0.*Vận dụng 2:*+ GV cho HS áp dụng hoàn thành *Vận dụng 2* (Gọi 1,2 HS lên bảng làm, dưới lớp làm vào vở).**Tổng của hai số nguyên khác dấu.**+ GV cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động: HĐ3a, HĐ3b.+ GV phân tích, dẫn dắt rút ra **Quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu không đối nhau**.+ GV gọi 1, 2 HS đọc lại quy tắc.+ GV giảng, phân tích phần chú ý.GV yêu cầu học sinh phát biểu lại phần chú ý.+ GV giảng, phân tích mẫu ý đầu *Ví dụ 2* và viết đề lên bảng, gọi 3 HS lên thực hiện, dưới lớp làm vào vở.+ GV giảng, phân tích mẫu ý đầu *Ví dụ 3* và gọi 1 HS lên thực hiện, dưới lớp làm vào vở.+ GV yêu cầu HS tự làm *Thực hành 2*. GV gọi 4 học sinh lên bảng làm bài.+ GV hướng dẫn, HS tự hoàn thành bài tập *Vận dụng 3.*+ GV tổ chức và hướng dẫn cho HS trao đổi trong lớp nhóm đôi phần *Tranh luận* tìm ra câu trả lời.**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.+ GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở ghi.+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: ***Quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu***. | **2. Cộng hai số nguyên khác dấu:****\* Cộng hai số đối nhau:**Tổng hai số nguyên đối nhau luôn luôn bằng 0: a + (–a) = 0. *Vận dụng 2:* Số tiền bác Tám còn là:(-2000000) + 2000000 = 0 (đồng).**\* Cộng hai số nguyên khác dấu không đối nhau:****Ghi nhớ:** Muốn cộng hai số nguyên khác dấu, không đối nhau, ta làm như sau:- Nếu số dương lớn hơn số đối của số âm thì ta lấy số dương trừ đi số đối của số âm.- Nếu số dương bé hơn số đối của số âm thì ta lấy số đối của số âm trừ đi số dương rồi thêm dấu trừ trước kết quả.***Chú ý:***Khi cộng hai số nguyên khác dấu:*-* Nếu số dương lớn hơn số đối của số âm thì ta có tổng dương.- Nếu số dương bằng số đối của số âm thì ta có tổng bằng 0.- Nếu số dương bé hơn số đối của số âm thì ta có tổng âm.VD2 (SGK)VD3 (SGK)*Thực hành 2:*Thực hiện các phép tính sau:1. 4 + (–7) = –(7 – 4) = –3
2. (–5) + 12 = 12 – 5 = 7
3. (–25) + 72 = 72 – 25 = 47
4. 49 + (–51) = –(51 – 49) = –2

*Vận dụng 3:*1. Thang máy đi lên 5 tầng, được biểu diễn là (+5). Vậy thang máy dừng lại ở tầng:

(–3) + 5 = 21. Thang máy đi xuống 5 tầng, được biểu diễn là (–5). Vậy Thang máy dừng lại ở tầng:

3 + (–5) = –2 |

**Hoạt động 3: Tính chất của phép cộng các số nguyên.**

**a) Mục tiêu:**

+ Nhận biết các tính chất của phép cộng các số nguyên.

+ Luyện kĩ năng áp dụng các tính chất của phép cộng số nguyên để tính hợp lí.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**+ GV cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động: HĐ4, HĐ5. + GV giải thích ý nghĩa của hai cặp biểu thức, dẫn dắt và đi đến kết luận.+ GV phân tích các tính chất và lưu ý cho HS: 1. Tổng (a + b) + c hoặc a + (b + c) là tổng của ba số nguyên a, b, c và viết là a + b + c; a, b, c là các số hạng của tổng.2. Để tính tổng của nhiều số, ta có thể thay đổi tùy ý thứ tự các số hạng (tính giao hoán), hoặc nhóm tùy ý các số hạng (tính kết hợp) để việc tính toán được đơn giản và thuận lợi hơn.+ GV hướng dẫn, giải thích các bước làm cho HS *Ví dụ 4* để HS sử dụng linh hoạt các tính chất.+ GV hướng dẫn, trao đổi hướng làm của *Thực hành 3* rồi yêu cầu 2 HS lên bảng trình bày.**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.+ GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.+ HS khác nhận xét, bổ sung.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: ***Các tính chất của phép cộng.*** | **3. Tính chất của phép cộng các số nguyên:**+ HĐ4:  a + b = (–1) + (–3) = –4 b + a = (–3) + (–1) = –4 => a + b = b + a+ HĐ5:(a+b)+c = [(–3)+4] +2 = 1 + 2 =3a+(b+c)= (–3)+ [4+2]= (–3)+6=3=> (a + b) + c = a + (b + c)**\* Tính chất:***+ Giao hoán:* a + b = b + a*+ Kết hợp:*(a + b) + c = a + (b + c)***Chú ý:***1. Tổng (a + b) + c hoặc a + (b + c) là tổng của ba số nguyên a, b, c và viết là a + b + c; a, b, c là các số hạng của tổng.2. Để tính tổng của nhiều số, ta có thể thay đổi tùy ý thứ tự các số hạng (tính giao hoán), hoặc nhóm tùy ý các số hạng (tính kết hợp) để việc tính toán được đơn giản và thuận lợi hơn.*Thực hành 3:*Thực hiện các phép tính sau:a) 23 + (–77) + (–23) + 77= [23 + (–23)] + [(–77) + 77]= 0 + 0 = 0b) (–2020) + 2021 + 21 + (–22)= [(–2020) + (–22)] + (2021+21)= (–2042) + 2042 = 0 |

**Hoạt động 4: Phép trừ hai số nguyên.**

**a) Mục tiêu:**

+ Tìm hiểu về cách thực hiện phép trừ (Quy tắc trừ hai số nguyên).

+ Hình thành và luyện kĩ năng trừ hai số.

+ Áp dụng phép trừ vào bài toán thực tế.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**+ GV cho HS thực hiện lần lượt HĐ6(GV gợi ý, hướng dẫn cho HS).Giàn PV DRILLING V: Kỳ tích của ngành Dầu khí Việt Nam - Báo Nhân Dân+ GV phân tích dẫn dắt => Quy tắc trừ hai số nguyên.+ GV phân tích mẫu cho HS Ví dụ 5 để HS hiểu hơn về quy tắc trừ. GV phân tích phần chú ý.+ GV yêu cầu HS hoặt động nhóm trình bày *Thực hành 4*, HS các nhóm khác nhận xét.**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.+ GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: ***Quy tắc trừ hai số nguyên.*** | **4. Phép trừ hai số nguyên:**+ HĐ6a: Làm sao để tìm độ cao của mũi khoan (so với mực nước biển) sau khi hạ?+ HĐ6b: So sánh: 5 – 2 = 5 + (–2)**\* Quy tắc trừ:** Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b, ta cộng a với số đối của b. a – b = a + (–b)***Chú ý:***+ Cho hai số nguyên a và b. Ta gọi a – b là hiệu của a và b (a được gọi là số bị trừ, b gọi là số trừ).+ Phép trừ luôn thực hiện được trong tập hợp số nguyên.Như vậy hiệu của hai số nguyên a và b là tổng của a và số đối của b.*Thực hành 4:*a) 6 – 9 = 6 + (–9) = –3b) 23 – (–12) = 23 + 12 = 35c) –35 – (–60) = –35 + 60 = 25d) –47 – 53 = –47 + (–53) = –100e) –43 – (–43) = –43 + 43 = 0 |

**Hoạt động 5: Quy tắc dấu ngoặc.**

**a) Mục tiêu:**

+ Tìm hiểu về quy tắc dấu ngoặc.

+ Hình thành và luyện kĩ năng bỏ dấu ngoặc.

+ Áp dụng quy tắc dấu ngoặc vào bài tập tính.

**b) Nội dung:**

HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**+ GV cho HS hoặt động nhóm thực hiện HĐ7 (GV gợi ý, hướng dẫn cho HS).+ GV phân tích dẫn dắt => Quy tắc dấu ngoặc.+ GV phân tích mẫu cho HS Ví dụ 7 để HS hiểu hơn về quy tắc dấu ngoặc.+ GV yêu cầu 2 HS lên bảng trình bày *Thực hành 5*, các HS ở dưới trình bày vào vở.**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS theo dõi SGK, chú ý nghe, hiểu và hoàn thành các yêu cầu.+ GV: quan sát và trợ giúp HS.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** + HS: Theo dõi, lắng nghe, phát biểu, lên bảng, hoàn thành vở.+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi 1 học sinh nhắc lại: ***Quy tắc dấu ngoặc.*** | **5. Quy tắc dấu ngoặc:**+ HĐ7: Tính rồi so sánh từng cặp kết quả.a) –(4+7) và (–4–7)b) –(12–15) và (–12 + 15)c) –(–8+7) và (8 – 7)d) +(–15–4) và (–15–4)e) +(23–12) và (23–12)**\* Quy tắc dấu ngoặc:** Khi bỏ dấu ngoặc, nếu đằng trước dấu ngoặc:* có dấu “+”: thì vẫn giữ nguyên dấu của các số hạng trong ngoặc.

+ (a + b – c) = a + b – c* có dấu “–”: thì đổi dấu tất cả các số hạng trong ngoặc.

– (a + b – c) = – a – b + c*Thực hành 5:*T = –9 + (–2) – (–3) + (–8) = –9 – 2 + 3 – 8 = –11 + 3 – 8 = –8 – 8  = –16 |

**C.** **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:**

**Hoạt động 1: Luyện tập cộng hai số nguyên:**

a. **Mục tiêu**: HS thực hiện phép cộng hai số nguyên, vận dụng hai tính chất phép cộng số nguyên vào thực hiện phép tính.

b. **Nội dung**:HS thực hiện các bài tập: Bài 2/sgk – 63, Bài 6/ sbt -52, Bài 10/sbt -52.

c. **Sản phẩm:** Kết quả của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM** |
| - Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu làm bài 2/ SGK trang 63.- Thực hiện nhiệm vụ: hoạt động cá nhân. - Báo cáo, thảo luận: HS đứng tại chỗ trả lời miệng, giải thích cách làm phần d, e.- Kết luận, nhận định: GV chốt lại đáp án, HS kiểm tra bài của mình.- Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu hs hoạt động cặp đôi bài 6/ sbt -52.- Thực hiện nhiệm vụ: mỗi nhóm làm 1 phần, hai nhóm lên bảng.- Báo cáo, thảo luận: Dưới lớp đổi chéo để kiểm tra, các nhóm nhận xét bài trên bảng.- Kết luận, nhận định: GV chốt lại cách làm bài.- Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu làm phần a bài 10/SBT trang 52Tính tổng các số nguyên x thỏa mãn điều kiện: –7 < x < 8GV: Hãy liệt kê các số thỏa mãn –7 < x < 8HS: –6; –5; –4; –3; –2; –1; 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7GV: Tính tổng: (–6) + (–5) + (–4) + (–3) + (–2) + (–1) + 0 +1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7HS: đứng tại chỗ trả lời miệng cách tính.GV khẳng định đúng, sai, chốt lại kiến thức. | **Bài 2/SGK trang 63:**a) 23 + 45 = 68 b) (–42) + (–54) = –96 c) 2025 +(–2025) = 0 d) 15 +(–14) =1e ) 35 + (–135) = –100**Bài 6/ SBT trang 52**a) 434 + (–100) +(–434) + 100= = 0b) 6830 + (–993) +170 + (–5007)= = 7000 + (–6000) =1000**Bài 10/SBT trang 52**(–6) + (–5) + (–4) + (–3) + (–2) + (–1) + 0 +1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7= (–6) + 6 + (–5) + 5 + (–4) + 4+ (–3) + 3 + (–2) + 2 + (–1) +1 +7= 7 |

**Hoạt động 2: Luyện tập trừ hai số nguyên.**

**a) Mục tiêu**: Vận dụng được quy tắc trừ hai số nguyên trong tính toán.

**b)** **Nội dung**: Các phép tính trừ hai số nguyên.

**c)** **Sản phẩm**: Hoàn thành phiếu bài tập số 1.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM** |
| - Giao nhiệm vụ học tập: Phát phiếu học tập số 1.- Thực hiện nhiệm vụ: Cá nhân hoàn thành phiếu học tập số 1.- Báo cáo, thảo luận: HS chấm chéo lẫn nhau. Số chẵn chấm số lẻ và người lại (1-2, 3-4, …).- Kết luận, nhận định: GV chiếu đáp án, HS kiểm tra bài chấm của mình.- GV chọn 1 bài đúng nhất, 1 bài có sai sót để điều chỉnh sai sót cho các em. | Đáp án phiếu học tập số 1**Câu 1**. **Dùng các từ trong khung để điền vào chỗ trống**

|  |
| --- |
| *số nguyên b cộng a số đối* |

Muốn trừ số nguyên a cho *số nguyên b*, ta *cộng a* với *số đối* của b**Câu 2: Thực hiện các phép tính sau:**a)  b)  c)d) e)  |

**Hoạt động 3: Luyện tập quy tắc dấu ngoặc:**

**a)** **Mục tiêu**: HS vận dụng thành thạo quy tắc dấu ngoặc.

**b) Nội dung**: Bỏ dấu ngoặc trong biểu thức.

**c) Sản phẩm**: Hoàn thành phiếu học tập số 2, Bài 7 sgk- 65.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM** |
| - Giao nhiệm vụ học tập: Phát phiếu học tập số 2.- Thực hiện nhiệm vụ: Cá nhân hoàn thành phiếu học tập số 2.- Báo cáo, thảo luận: HS chấm chéo lẫn nhau. Số đầu chấm số cuối và ngược lại (1- 50, 2- 49, …).- Kết luận, nhận định: GV chiếu đáp án, HS kiểm tra bài chấm của mình.- GV chọn 1 bài đúng nhất, 1 bài có sai sót để điều chỉnh sai sót cho các em.GV giao nhiệm vụ học tập.GV: Cho HS làm bài 7 SGK/ 65. GV yêu cầu HS:+ Trước khi tính ta phải bỏ dấu ngoặc.GV: Yêu cầu HS :+ Nhắc lại quy tắc bỏ dấu ngoặc.Thực hiện nhiệm vụ: HS áp dụng các kiến thức vừa học để làm BT 7 trang 65 sgk vào vở, sau đó 3 học sinh lên bảng sửa.GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ - Báo cáo, thảo luận: Cả lớp nhận xét đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.- Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức quy tắc dấu ngoặc. | Đáp án phiếu học tập số 2**Câu 1**. **Dùng các từ trong khung để điền vào chỗ trống**

|  |
| --- |
| *giữ nguyên dấu đổi dấu*  |

Khi bỏ dấu ngoặc, nếu đằng trước dấu ngoặc: Có dấu “” thì vẫn giữ nguyên dấu của các số hạng trong ngoặc:Có dấu “” thì phải đổi dấu tất cả các số hạng trong ngoặc:  **Câu 2: (bài 6sgk -64) Tính nhanh các tổng sau:**a) (45− 3756) + 3756 = 45− 3756+ 3756 = 45 + (− 3756 + 3756) = 45 + 0 = 45b) (−2021) − (199−2021) = −2021– 199 + 2021= (−2021+ 2021) + (−199)= − 199**Bài 7 sgk- 65:**Bỏ dấu ngoặc rồi tính:a) (4 + 32 + 6) + (10 – 36 – 6)  = 4 + 32 + 6 + 10 – 36 – 6 = (36 + 6) +10 – (36 + 6) = 10b) (77 + 22– 65) – (67+ 12 – 75)  = 77 + 22– 65 – 67– 12 +75 = (77 – 67) + (22 – 12)+(75– 65) = 10 + 10 + 10 = 30c) – (–21 + 43+ 7) – (11 – 53 – 17) = 21 – 43 – 7 –11 + 53+17 = (21 – 11) + (53– 43)+(17– 7) = 10 + 10 + 10 = 30 |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:**

**Hoạt động 1 :**

**a)** **Mục tiêu**: HS vận dụng thành thạo phép cộng, trừ hai số nguyên và quy tắc dấu ngoặc trong thực hiện các phép tính với các số nguyên.

**b)** **Nội dung**: Thực hiện các phép tính với số nguyên.

**c)** **Sản phẩm**: Hoàn thành các bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM** |
| - Giao nhiệm vụ học tập: GV đưa nội dung bài tập: **Bài 1:** Tínha) 1+ (–4) +7 +(–10) +13 + (–16)b) –2 +7 +(-12)+17+(–22) + 27Thực hiện nhiệm vụ: Hoạt động cá nhân, 02 HS lên bảng trình bày.- Báo cáo, thảo luận: HS cả lớp nhận xét.- Kết luận, nhận định: GV: Chốt lại cách làm bài.- Giao nhiệm vụ học tập: Chiếu slide bài tập.**Bài 2: Bỏ dấu ngoặc rồi tính:**a) b) c) - Thực hiện nhiệm vụ: Cá nhân lên bảng.- Báo cáo, thảo luận: HS cả lớp nhận xét.- Kết luận, nhận định: + Bỏ ngoặc.+ Nhóm các số hạng thích hợp, chú ý dấu đặt trước ngoặc khi nhóm các số hạng.+ Thực hiện phép tính.- Giao nhiệm vụ học tập: Chiếu slide bài tập.**Bài 3: Thực hiện các phép tính sau một cách hợp lý:**a) b) c) - Thực hiện nhiệm vụ: Hoạt động nhómCâu a: Nhóm 1,2Câu b: Nhóm 3,4Câu c: Nhóm 5,6- Báo cáo, thảo luận: Đại diện nhóm trình bày, các nhóm còn lại phản biện.- Kết luận, nhận định: + Khi bỏ ngoặc có nhiều dấu ngoặc phải bỏ theo thứ tự () 🡪 [ ] 🡪 { }+ Nhóm các số hạng thích hợp, chú ý dấu đặt trước ngoặc khi nhóm các số hạng.+ Thực hiện phép tính. | **Bài 1:**a) 1+ (-4) +7 +(-10) +13 + (-16)b) –2 +7 +(–12)+17+(–22) + 27**Bài 2: Bỏ dấu ngoặc rồi tính:**a) b) c) **Bài 3: Thực hiện các phép tính sau một cách hợp lý:**a)  b) c) |

**Hoạt động 2:**

**a)** **Mục tiêu**: Giúp HS vận dụng kiến thức cộng trừ số nguyên vào giải quyết vấn đề thực tế trong cuộc sống.

**b)** **Nội dung**: GV yêu cầu HS làm bài tập 3 sgk-63, bài tập 8sgk-64 và phát Phiếu học tập cho HS. HS hoạt động nhóm và ghi kết quả vào PHT.

**c)** **Sản phẩm**: Bài làm trong PHT của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM** |
| - Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS làm bài 3/sgk -63.- Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động cá nhân.- Báo cáo, thảo luận: HS trả lời miệng- Kết luận, nhận định: GV chốt đáp án đúng.- Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS làm bài 8/sgk -64.- Thực hiện nhiệm vụ: HS lên bảng sửa bài.- Báo cáo, thảo luận: HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng.- Kết luận, nhận định: GV chốt đáp án đúng, nhắc ở đây chúng ta đã áp dụng quy tắc bỏ dấu ngoặc để thực hiện phép toán tính số tuổi của nhà Bác Học Ác-si-mét- Giao nhiệm vụ học tập: Phát phiếu học tập số 3.- Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập số 3. Bảng điểm thi đua trong tuần của các tổ trong 1 lớp học được ghi lại như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tổ 1 | Tổ 2 | Tổ 3 | Tổ 4 |
| Vệ sinh | –6 | 8 | –4 | 6 |
| Học tập | –8 | –2 | –10 | –4 |
| Kỷ luật | 10 | –8 | 6 | 6 |
| Tích cực phát biểu | +2 | +12 | +4 | +6 |

Hỏi trong tuần trên, tổ nào có tổng điểm cao nhất, tổ nào có tổng điểm thấp nhất?- Báo cáo, thảo luận: 1 nhóm lên trình bày bài làm của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, sửa chữa.- Kết luận, nhận định: GV giáo dục HS qua bài tập: Các tổ cần giữ vệ sinh, kỷ luật trong giờ học. Cố gắng học bài, làm bài ở nhà đầy đủ. Chuẩn bị bài trước, tập trung nghe giảng và tích cực phát biểu xây dựng bài trong giờ học.- GV phát động phong trào thi đua chấm điểm giữa các tổ trong tuần sau và trao quà cho tổ có điểm thi đua cao nhất.- Giao nhiệm vụ học tập: Phát phiếu học tập số 4.- Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập số 4. Mẹ Hà bán tạp hóa. Vì sữa và trứng hạn dùng không còn lâu nên mẹ Hà chấp nhận bán lỗ để mau bán hết 2 mặt hàng này. Cuối ngày, mẹ Hà muốn tổng kết số tiền lời lỗ trong ngày. Mẹ Hà đang đau tay khó cầm viết nên mẹ Hà đọc và nhờ Hà ghi sổ và tổng kết tiền bán trong ngày dùm mẹ Hà. Mẹ Hà đọc: Gạo lời 150 000 đồng, muối lời $10 000$ đồng, mì gói lời 80 000 đồng, sữa lỗ 40 000 đồng, trứng lỗ 30 000 đồng.Nếu là Hà, em sẽ viết như thế nào để ngắn gọn, đơn giản, chính xác, dễ hiểu. Và cho biết ngày bán hàng đó, mẹ Hà lời hay lỗ bao nhiêu?- GV thu bài làm của các nhóm, nhận xét, cho điểm. | **Bài 3/sgk -63:**Một chiến tàu ngầm đang ở độ sâu 200m, tàu tiếp tục lặn xuống thêm 15m nữa. Khi đó tàu ngầm ở độ sâu là : 200 +15 = 215m**Bài 8/sgk-64**a) Ác-si-mét sinh năm – 287, mất năm – 212b) Ta có: (−212) − (−287) = −212 + 287 (áp dụng quy tắc bỏ dấu ngoặc)= 75Vậy Ác-si-mét mất năm ông 75 tuổi.Đáp án phiếu học tập số 3

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tổ 1 | Tổ 2 | Tổ 3 | Tổ 4 |
| Vệ sinh | –6 | 8 | –4 | 6 |
| Học tập | –8 | –2 | –10 | –4 |
| Kỷ luật | 10 | –8 | 6 | 6 |
| Tích cực phát biểu | +2 | +12 | +4 | +6 |
| Tổng điểm | –2 | 10 | –4 | 14 |

Vậy: Trong tuần trên, tổ 4 có tổng điểm cao nhất, tổ 3 có tổng điểm thấp nhất.Đáp án phiếu học tập số 4.

|  |  |
| --- | --- |
| Mặt hàng | Lời/lỗ |
| Gạo | 150 000 |
| Muối | 10 000 |
| Mì gói | 80 000 |
| Sữa | –40 000 |
| Trứng | –30 000 |
|  | 170 000 |

Vậy: ngày bán hàng đó, mẹ Hà lời 170 000 đồng |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp****đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:+ Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.+ Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.+ Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm (rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể). | - Phương pháp quan sát:+ GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học (ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,...)+ GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.- Hệ thống câu hỏi và bài tập.- Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC:** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**Câu 1**. **Dùng các từ trong khung để điền vào chỗ trống**:

|  |
| --- |
| *số nguyên b cộng a số đối* |

Muốn trừ số nguyên a cho *số nguyên b*, ta *cộng a* với *số đối* của b



**Câu 2: Thực hiện các phép tính sau:**

a) 

b) 

c)

d) 

e) 

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**Câu 1**. **Dùng các từ trong khung để điền vào chỗ trống:**

|  |
| --- |
| *giữ nguyên dấu đổi dấu*  |

Khi bỏ dấu ngoặc, nếu đằng trước dấu ngoặc:

Có dấu “” thì vẫn *giữ nguyên dấu* của các số hạng trong ngoặc 

Có dấu “” thì phải *đổi dấu* tất cả các số hạng trong ngoặc 

**Câu 2: (bài 6sgk -64) Tính nhanh các tổng sau:**

a) (45− 3756) + 3756 b) (−2021) − (199−2021)

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

 Bảng điểm thi đua trong tuần của các tổ trong 1 lớp học được ghi lại như sau:

Hỏi trong tuần trên, tổ nào có tổng điểm cao nhất, tổ nào có tổng điểm thấp nhất?

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tổ 1 | Tổ 2 | Tổ 3 | Tổ 4 |
| Vệ sinh | -6 | 8 | -4 | 6 |
| Học tập | -8 | -2 | -10 | -4 |
| Kỷ luật | 10 | -8 | 6 | 6 |
| Tích cực phát biểu | +2 | +12 | +4 | +6 |



**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

Mẹ Hà bán tạp hóa. Vì sữa và trứng hạn dùng không còn lâu nên mẹ Hà chấp nhận bán lỗ để mau bán hết 2 mặt hàng này. Cuối ngày, mẹ Hà muốn tổng kết số tiền lời lỗ trong ngày. Mẹ Hà đang đau tay khó cầm viết nên mẹ Hà đọc và nhờ Hà ghi sổ và tổng kết tiền bán trong ngày dùm mẹ Hà. Mẹ Hà đọc: Gạo lời 150 000 đồng, muối lời 10 000 đồng, mì gói lời 80 000 đồng, sữa lỗ 40 000 đồng, trứng lỗ 30 000 đồng.

Nếu là Hà, em sẽ viết như thế nào để ngắn gọn, đơn giản, chính xác, dễ hiểu. Và cho biết ngày bán hàng đó, mẹ Hà lời hay lỗ bao nhiêu?